

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG THỎ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 22 tháng 01 năm 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Trung Tá.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Chiên, ông Đèo Văn Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 05/01/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị P X Q, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh T A T, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị P X Q trình bày:*

Chị Q và anh T về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2015, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/5/2019, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời cờ bạc, giữa anh chị không có tiếng nói chung, cả hai ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Hiện tình cảm chị Q dành cho anh T đã hết nên chị gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh T.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung, tên là T B N, sinh ngày ../2016, hiện tại cháu đang ở cùng anh T và ông bà nội. Tại phiên tòa chị Q thay đổi

yêu cầu về con chung. Chị Q nhất trí để anh T được nuôi cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân, Công an xã B, xác minh đối với trưởng bản A, xã B và xác minh đối với bố mẹ anh T, kết quả như sau: Chị Q và anh T về chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thời gian chung sống thì anh chị có thỉnh thoảng cãi nhau, tuy nhiên sau khi cả hai anh chị đi làm thuê thì mâu thuẫn càng nhiều và dẫn đến muốn ly hôn nhau, còn lý do dẫn đến mâu thuẫn thì không ai biết, anh chị cũng chưa yêu cầu trưởng bản cũng như chính quyền địa phương hòa giải lần nào. Thông qua gia đình thì biết được anh T cũng nhất trí ly hôn với chị Q, tuy nhiên anh không về để giải quyết vụ án được, gia đình cũng tùy vào ý kiến của chị Q. Hiện tại anh T đang đi làm thuê, còn làm cụ thể địa chỉ ở đâu thì không ai biết vì anh T không nói, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, gửi tiền cho bố mẹ nuôi con ăn học thường xuyên, ngoài ra anh T cũng thường xuyên về phụ giúp gia đình việc đồng áng. Anh T không có yêu cầu phản tố.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T B N. Nguyên vọng của cháu N sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị P X Q, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị P X Q được ly hôn với anh T A T. Về con chung: giao cháu T B N sinh ngày ../2016 cho anh T A T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị P X Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh T A T. Anh T tuy không rõ đang cư trú ở đâu nhưng có đăng ký hộ khẩu tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Q và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, giữa anh chị không có tiếng nói chung, cả hai ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay và không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, giải quyết cho chị P X Q được ly hôn với anh T A T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là cháu T B N, sinh ngày ../2016. Từ khi chị Q và anh T ly thân nhau thì cháu N ở cùng anh T và bố mẹ anh T, cháu được yêu thương chăm sóc tốt, nguyện vọng của cháu N cũng muốn được ở cùng bố sau khi bố và mẹ ly hôn. Chị Q cũng nhất trí để cháu N sống cùng bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị P X Q được ly hôn với anh T A T.

**Về con chung:** Giao cháu T B N, sinh ngày ../2016 cho anh T A T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Quấy được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về tài sản, nợ chung:** Chị Q và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị P X Q được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Trung Tá**